TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA Ã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2018/DS-PT
Ngày: 24/4/2018
Vv "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA Ã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các thẩm phán:
1/ Bà Trịnh Thị Ánh
2/ Ông Nguyễn Chí Sang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ét ử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án số 319/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 43/2017/QĐ-SCBSBA ngày 04/12/2017 của Toà án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra ét ử số 1434/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn*:* Ngân hàng X

Địa chỉ trụ sở: Số 02 A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: Ông Tạ Ngọc L – Giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh Y

Địa chỉ chi nhánh: 18 J, cư á Ngân hàng, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn H

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số 38 đường C, Hưng Gia 1, phường Tân Phong, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: Số 7 đường số 2, Hưng Gia 1, Khu phố 3, phường Tân Phong, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – Ngân hàng X.

(Phiên toà có mặt Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13/4/2016, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày :

Ngày 28/4/2011, ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng X – Chi nhánh Y (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có ký Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 1109000008/HĐSDT (sau đây gọi tắt là hợp đồng), với hạn mức tín dụng do Ngân hàng cấp cho ông Nguyễn Văn T là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn : 24 tháng. Ngày 29/12/2011 theo đề nghị của ông Nguyễn Văn T, ngân hàng đồng ý tăng hạn mức thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Văn T lên thành : 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay : vay tiêu dùng qua thẻ.

Lãi suất trong hạn (có điều chỉnh từng thời kì) ; Tiền lãi cho vay thẻ tín dụng được tính trên dư nợ cuối kì (dư nợ cuối kì bao gồm các khoản chi tiêu cùng các khoản lãi và phí phát sinh chưa thanh toán của chủ thẻ). Lãi suất tại thời điểm cho vay là : 20%/năm áp dụng từ ngày 01/6/2011. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn.

Kể từ khi kí hợp đồng, ông T nhiều lần rút tiền, thanh toán mua hàng qua thẻ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đầy đủ ; đến ngày 04/4/2014 ông T ngưng trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng như thỏa thuận hợp đồng ; tính đến ngày 20/5/2014 số dư nợ trên tài khoản thẻ của ông T là 402.479.015 đồng ; ngân hàng đã thông báo và chuyển toàn bộ số dư nợ này sang nợ quá hạn (theo bảng sao kê chi tiết thẻ tín dụng và bảng kê chi tiết nợ tín dụng phải thu do ngân hàng cung cấp cho tòa án ngày 31/8/2017).

Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận H yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho ngân hàng số tiền nợ phải trả nợ tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 13/4/2016, với số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 21/3/2016 là 574.448.965 đồng và tiền nợ lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 21/3/2016 cho đến khi trả hết nợ vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông T trả nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 776.009.166 đồng. Ngày 22/9/2017 Toà án nhân dân Quận H xét xử ban hành bản án Dân sự sơ thẩm số : 319/2017/DS-ST đã quyết định :

Áp dụng :

Khoản 3 Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 91 ; Điều 92 ; Điều 147 ; Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 ; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 ;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 ; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận ; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 ; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên ử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng X : Buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc phải trả là : 402.479.015 đồng (Bốn trăm lẻ hai triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm mười lăm đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là : 268.151.603 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm năm mươi mốt ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) ; Tổng cộng số tiền phải trả là 670.630.618 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, sáu trăm mười tám đồng).

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền 670.630.618 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, sáu trăm mười tám đồng) cho Ngân hàng X làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 23/9/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/4/2011 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

4. Không chấp nhận phần tiền lãi nguyên đơn - Ngân hàng X tính vượt là 105.378.546 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

5. Về án phí : Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.825.225 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng). Ngân hàng X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.268.927 đồng (Năm triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự ngân hàng đã nộp 13.488.979 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009241 ngày 19/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H,

TP.HCM. Vậy hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 8.220.052 đồng (Tám triệu, hai trăm hai mươi ngàn, không trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 13/10/2017 nguyên đơn- Ngân hàng X kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 319/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Toà án Nhân dân Quận H.

Tại phiên toà phúc thẩm :

Nguyên đơn : Ngân hàng X trình bày: Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án dân sự sơ đối với việc tính lãi phạt quá hạn của Ngân hàng là không đúng theo thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn T và Ngân hàng tại giấy đề nghị sử dụng thẻ và tại Điều 7.1 và 7.2 của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên làm thiệt hại cho ngân hàng 105.378.546 đồng và sửa án phí dân sự sơ thẩm liên quan

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng ét ử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ qui định Khoản 5 Điều 474; Khoản 5 Điều 466 Bộ Luật Dân sự Ngân hàng tính lãi chồng lãi là không phù hợp. Đề nghị hội đồng ét ử em ét giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân Quận H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng ét ử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo : Kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng X (Ngân hàng) là còn trong hạn luật định nên được em ét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 1109000008/HĐSDT ngày 28/4/2011 được kí giữa Ngân hàng và bị đơn ông Nguyễn Văn T, giấy đề nghị gia hạn hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/12/2011 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận : Ngân hàng có cấp cho ông Nguyễn Văn T thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Căn cứ vào Bảng sao kê chi tiết thẻ tín dụng do ngân hàng cung cấp cho Tòa án ngày 31/8/2017 thì tính đến ngày 20/5/2014 khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng quốc tế ông T phải trả là 402.479.015 đồng, nguyên đơn

ngân hàng đã thông báo và chuyển khoản nợ này thành nợ quá hạn và ông T phải chịu lãi quá hạn từ thời điểm này.

Tại bảng kê chi tiết nợ tín dụng phải thu ngày 31/8/2018 và bổ sung của ngân hàng tại tòa: Ngân hàng ác định ông T còn nợ Ngân hàng số nợ phải trả bao gồm nợ gốc, tiền lãi và lãi đã nhập gốc tính đến ngày xét xử là 776.009.164 đồng.

Xem xét bảng sao kê do nguyên đơn cung cấp nhận thấy, Ngân hàng đã cộng khoản hàng tháng (tính chung tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 150%/tháng) vào khoản nợ gốc sau đó tiếp tục tính tiền lãi bằng 150% trên số tiền nợ này từ ngày 20/5/2014 đến ngày ét ử sơ thẩm là trái với quy định tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, vì khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ gốc ông T phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của hợp đồng.

Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi) năm 2004 quy định: Tổ chức tín dụng được cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tại Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng có quy định: « 1. *Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng những không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng* ». Theo đó, Ngân hàng Nhà nước cho phép các Tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng về mức lãi suất vay, khác với việc cho phép tính lãi chồng lên lãi, hơn nữa Khoản 2 nêu trên quy định rõ lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn. Mhư vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng và buộc ông T phải trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc là 402.479.015 đồng và chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn 19,5%/năm (gồm trong hạn và quá hạn) trên khoản nợ này tính đến ngày ét ử là 268.151.603 đồng là có căn cứ và phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Kháng cáo của nguyên đơn – Ngân hàng X là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí :

[3.1] Án phí Dân sự sơ thẩm :

Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.825.225 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng).

Ngân hàng X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.268.927 đồng (Năm triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự ngân hàng đã nộp 13.488.979 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009241 ngày 19/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, TP.HCM. Vậy hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 8.220.052 đồng (Tám triệu, hai trăm hai mươi ngàn, không trăm năm mươi hai đồng).

[3] Án phí dân sự phúc thẩm :

Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 ; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận ; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 ; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn - Ngân hàng X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 319/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 và Quyết định sửa chửa bổ sung bản án số 43/2017/QĐ ngày 04/12/2017 của Toà án Nhân dân Quận H.

Tuyên ử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng X : Buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc phải trả là : 402.479.015 đồng (Bốn trăm lẻ hai triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm mười lăm đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 22/9/2017 là : 268.151.603 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm năm mươi mốt ngàn, sáu trăm lẻ ba đồng) ; Tổng cộng số tiền phải trả là 670.630.618 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, sáu trăm mười tám đồng).

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền 670.630.618 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, sáu trăm mười tám đồng) cho Ngân hàng X làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 23/9/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 28/4/2011 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc.

4. Không chấp nhận phần tiền lãi nguyên đơn - Ngân hàng X tính vượt là 105.378.546 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

5. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm : Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.825.225 đồng (Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm hai mươi lăm đồng). Ngân hàng X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.268.927 đồng (Năm triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự ngân hàng đã nộp 13.488.979 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009241 ngày 19/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, TP.HCM. Vậy hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền 8.220.052 đồng (Tám triệu, hai trăm hai mươi ngàn, không trăm năm mươi hai đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm : Ngân hàng X phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Ngân hàng X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0024618 ngày 15/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận H.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận H;
- Chi cục THADS Quận H;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG ÉT Ử PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương